

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 18/6/2024  
“V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly  
hôn và nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai.

2. Bà Nguyễn Thị Phụng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Kim Xoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 651/2023/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 231/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Phạm Thanh T**, sinh năm 1983.

Bị đơn: **Phan Minh T1**, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: **Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.**

(Chị **T** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **T1** vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Phạm Thanh T** trình bày:

- Về hôn nhân: Chị **Phạm Thanh T** và anh **Phan Minh T1** kết hôn và chung sống vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp** ngày 01/9/2008.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm

trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị **Phạm Thanh T** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị **T** yêu cầu ly hôn với anh **Phan Minh T1**.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 03 con chung tên **Phan Thanh T2**, sinh ngày 24/5/2006; **Phan Thanh T3**, sinh ngày 01/01/2014 và **Phan Thanh T4**, sinh ngày 20/5/2016. Hiện nay các con chung đang sống cùng chị **T**.

Khi ly hôn, chị **T** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung, yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng ½ tháng lương cơ sở, tùy theo từng thời điểm cấp dưỡng.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:** Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh **Phan Thanh T3**, **Phan Thanh T4** (bản sao); Giấy khai sinh **Phan Thanh T2** (bản đối chiếu).

Các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 25/4/2024 và đã thông báo cho đương sự vắng mặt được biết. Không có ai phản bác các tài liệu chứng cứ được công khai trong phiên họp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Chị **Phạm Thanh T** có đơn yêu cầu ly hôn với anh **Phan Minh T1**. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Bị đơn anh **Phan Minh T1** đang cư trú tại **ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Anh **Phan Minh T1** được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Chị **Phạm Thanh T** có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **T** và anh **T1**.

*Về nội dung:*

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Thanh T** và anh **Phan Minh T1** tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **B, huyện C** ngày 01/9/2008 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung, không xây dựng được hạnh phúc, chị **T** yêu cầu ly hôn; Hội

đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung sống, chị **T** và anh **T1** phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng với nhau về quan điểm sống. Vợ chồng đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành, không thuyết phục nhau tiếp tục sống chung để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Đối với bị đơn là anh **T1** đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và được triệu tập xét xử họp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, cũng không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị **T** và anh **T1** đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị **T**.

[5] Về nuôi con: Chị **T** trình bày trong thời gian chung sống với anh **T1** có 03 con chung tên **Phan Thanh T2**, sinh ngày 24/5/2006; **Phan Thanh T3**, sinh ngày 01/01/2014 và **Phan Thanh T4**, sinh ngày 20/5/2016. Hiện nay, các con chung đang sống cùng chị **T**. Khi ly hôn, chị **T** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Xét thấy: Hiện nay, cháu **T2**, cháu **T3** và cháu **T4** đang chung sống với chị **T** ổn định. Đồng thời, cháu **T2**, cháu **T3** và cháu **T4** có nguyện vọng được sống cùng với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Việc thay đổi người nuôi con sẽ làm ảnh hưởng tâm lý và sự phát triển của con chung. Do đó, chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng các con chung sau khi ly hôn là phù hợp về quyền lợi mọi mặt quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh **T1** không trực tiếp nuôi con chung nên có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi con chung là 1/2 tháng lương cơ sở tùy theo từng thời điểm cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị **T** được tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn nên có quyền yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị **T** yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi mỗi con chung với mức cấp dưỡng là 1/2 tháng lương cơ sở tùy theo từng thời điểm cấp dưỡng là phù hợp với nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Và thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 7/2024 cho đến khi cháu **T2**, cháu **T3**, cháu **T4** đủ 18 tuổi.

Đối với bị đơn anh **T1** không có văn bản ý kiến, không có mặt tại phiên tòa trình bày ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét không ghi nhận được ý kiến của anh **T1** về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị **T** trình bày tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Chị **T** trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị **T** phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị **T** đã nộp theo biên lai thu số 0001074 ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Anh **T1** phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị **Phạm Thanh T**.

1.1. Về hôn nhân: Chị **Phạm Thanh T** được ly hôn với anh **Phan Minh T1**.

1.2. Về nuôi con và cấp dưỡng: Chị **Phạm Thanh T** được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên **Phan Thanh T2**, sinh ngày 24/5/2006; **Phan Thanh T3**, sinh ngày 01/01/2014 và **Phan Thanh T4**, sinh ngày 20/5/2016. Anh **Phan Minh T1** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung với mức cấp dưỡng 1/2 tháng lương cơ sở tùy theo từng thời điểm cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 7/2024 cho đến khi cháu **T2**, cháu **T3**, cháu **T4** đủ 18 tuổi.

Anh **Phan Minh T1** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được quyền cản trở.

1.3. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị **Phạm Thanh T** trình bày tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Chị **Phạm Thanh T** trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Chị **Phạm Thanh T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001074 ngày 25/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Anh **Phan Minh T1** phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CC THADS huyện Cao Lãnh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Trà**